TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HC-PT
Ngày 11 tháng 01 năm 2024

"V/v khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đức Thọ.

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Bà Trần Thị Hòa Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiển - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Vi Dũng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 410/2023/TLPT-HC ngày 22 tháng 6 năm 2023 về *"Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 75/2022/HC-ST ngày 05/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3199/2023/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Chế Văn D, sinh năm 1956 (vắng mặt).

Địa chỉ: 154/TT ấp TT, xã TT, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Lê Thị P (có mặt).

Địa chỉ: Ấp TT, xã TT, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 14/8/2023)

Người bị kiện:

1/ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre: Ông Bùi Minh T, chức vụ Giám đốc (vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

2/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BT, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BT: Ông Dương Minh T, chức vụ Chủ tịch (vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ủy ban nhân dân huyện BT, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BT: Ông Dương Minh T, chức vụ Chủ tịch (vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

2/ Ông Chế Văn E, sinh năm 1963 (vắng mặt, có văn bản xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 171/TT ấp TT, xã TT, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

3/ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1955 (vắng mặt).

4/ Ông Chế Văn H, sinh năm 1988 (vắng mặt).

5/ Ông Chế Văn H1, sinh năm 1981 (vắng mặt).

6/ Ông Chế Chí H, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 154/TT ấp TT, xã TT, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

7/ Ông Chế Mộng L, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: BVB, xã VH, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

8/ Ông Chế Anh T, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: 302/TT ấp TT, xã TT, xã TT, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

9/ Bà Chế Thị T, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: 02 tổ 8, khu phố 5, thị trấn BT, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

10/ Bà Chế Thị G, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TB, xã BT, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N, ông Chế Văn H, ông Chế Văn H1, ông Chế Chí H, ông Chế Mộng L, ông Chế Anh T, ông Chế Thị T, bà Chế Thị G: Ông Chế Văn D.

11/ Bà Phạm Thị N, sinh năm 1938 (đã chết).

Địa chỉ: Ấp TA, xã TT, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị N:

11.1/ Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1957 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 5, xã VH, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

11.2/ Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TT, xã TT, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

11.3/ Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 6, xã AT, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

11.4/ Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 4, xã TT, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

11.5/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TK, xã BT, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

11.6/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã BT, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

11.7/ Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 4, xã TT, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

11.8/ Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TA, xã TT, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

11.9/ Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp TN, xã BT, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị R: Ông Huỳnh Minh T, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã HP, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

3. Người kháng cáo: Ông Chế Văn D - Là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của ông Chế Văn D trình bày: Phần đất 346,8m^2 thuộc thửa 299, tờ bản đồ số 14 (thuộc một phần thửa 12, tờ bản đồ 12 trước đây, diện tích 1.940m^2), toạ lạc tại xã TT, huyện BT có nguồn gốc do tập đoàn giao khoán cho hộ gia đình ông Chế Văn D vào khoảng năm 1982. Ông Chế Văn E là em ruột ông cũng được tập đoàn giao khoán khoảng 2 công đất nhưng ở xa, hẻo lánh nên ông Chế Văn E bỏ không canh tác, tập đoàn thu hồi lại đất cấp cho người khác. Do không có đất ở nên vào năm 1990, ông Chế Văn E có đến hỏi vợ chồng anh ruột là Chế Văn H cho ông Chế Văn E cất nhà ở nhờ trên đất của ông Chế Văn H trong thời gian khoảng 2 xác lá (khoảng 6 năm) sau này ông kiếm chỗ dời đi nhưng sau đó do mất lòng chị dâu nên chị dâu đuổi không cho ở. Do đó, ông Chế Văn E mới đến hỏi vợ chồng ông xin cất nhà ở nhờ trên đất. Lúc này cha ông còn sống nên có nói với ông là đồng ý để cho ông Chế Văn E cất nhà. Sau khi được tập đoàn giao khoán ông đã trực tiếp quản lý, sử dụng, kê khai, đăng ký với chính quyền địa phương và được UBND huyện BT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 28/10/2003 do ông đại diện đứng tên hộ gia đình. Từ khi được cấp giấy chứng nhận đến nay ông tiếp tục quản lý, sử dụng ổn định không ai tranh chấp. Năm 2019, ông có làm thủ tục xin tách thửa để cho con ông cất nhà ra ở riêng. Phần đất 1.940m^2 của thửa 12, tờ bản đồ 12 trước đây được tách thành 3 thửa, gồm thửa 461, tờ 14, diện tích

745,1m^2 và thửa 299, tờ 14, diện tích 346,8m^2 do ông đại diện hộ gia đình đứng tên quyền sử dụng; còn thửa 460, tờ 14, diện tích 831,2m^2 do con ông là Chế Anh T đứng tên quyền sử dụng. Cả 3 thửa đất trên đều do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận vào năm 2019. Tuy nhiên, mới đây ông có nhận được Quyết định số 542/QĐ-STNMT ngày 03/7/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông đối với thửa đất 299, tờ bản đồ số 14. Trong quyết định có nêu lý do thu hồi quyền sử dụng đất của ông là do cấp giấy chứng nhận không đúng đối tượng sử dụng đất.

Ông nhận thấy Quyết định số 542/QĐ-STNMT ngày 03/7/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông tại thửa 299, tờ bản đồ số 14, xã TT là trái qui định của pháp luật, gây thiệt hại cho gia đình ông. Vì vậy, ông làm đơn khởi kiện yêu cầu TAND tỉnh Bến Tre huỷ Quyết định số 542/QĐ-STNMT ngày 03/7/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre, với các lý do sau:

- Phần đất này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông đã được UBND huyện BT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2003 và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp đổi lại giấy chứng nhận vào năm 2019 sau khi làm thủ tục tách thửa.

- Việc UBND huyện BT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông vào năm 2003 và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp đổi lại giấy chứng nhận vào năm 2019 là đúng trình tự, thủ tục do pháp luật qui định.

- Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận vào năm 2003, đất sử dụng ổn định không ai tranh chấp. Bản thân ông Chế Văn E ở trên đất lúc đó cũng biết nhưng không có ý kiến gì.

- Trong quyết định nói lý do thu hồi giấy chứng nhận của gia đình ông do cấp không đúng đối tượng sử dụng đất. Lý do này là hoàn toàn vô lý vì: Đất này ông được tập đoàn giao khoán, ông đã trực tiếp quản lý, sử dụng liên tục, đã kê khai, đăng ký với chính quyền địa phương, có tên trong sổ địa chính, hàng năm đều làm nghĩa vụ đóng thuế cho nhà nước. Nếu cho rằng cấp giấy chứng nhận cho gia đình ông là không đúng đối tượng thì cấp cho ai mới là đúng đối tượng? Trong quyết định cũng không nói rõ thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông để cấp lại cho ai mới đúng đối tượng sử dụng như vậy quyết định trên là thiếu minh bạch, không có căn cứ.

Nếu cho rằng thu hồi giấy chứng nhận của ông để cấp lại cho ông Chế Văn E vì trên đất có nhà của ông Chế Văn E thì không đúng quy định của pháp luật vì ông Chế Văn E ở trên đất của ông với tư cách là người ở nhờ trên đất chứ không phải là chủ sử dụng đất. Vì trước đây ông Chế Văn E được tập đoàn giao khoán đất nơi khác nhưng không sử dụng nên tập đoàn thu hồi lại, còn đất này tập đoàn giao khoán cho gia đình ông. Bản thân ông Chế Văn E không có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp cua mình và cũng không có giấy tờ chứng minh cha là ông Chế Văn L cho đất.

- Theo qui định tại khoản 3 Điều 106 Luật đất đai năm 2013 và khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014 ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2013 thì việc thu hồi giấy chứng nhận đã cấp theo qui định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013 chỉ được thực hiện sau khi có kết luận của cơ quan thanh tra cùng cấp, văn bản có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp đất đai. Tuy nhiên, trong Quyết định số 542/QĐ- STNMT ngày 03/7/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre không thấy có kết luận của cơ quan thanh tra cùng cấp mà chỉ căn cứ vào đề nghị của Văn phòng đăng ký đất đai và Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của UBND huyện BT về giải quyết khiếu nại của ông Chế Văn E. Điều này cho thấy việc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre ban hành quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông là không có căn cứ, không đúng trình tự, thủ tục do pháp luật qui định. Hơn nữa, Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 chỉ là quyết định giải quyết khiếu nại của ông Chế Văn E chứ không phải là quyết định giải quyết tranh chấp đất đai và đây là quyết định lần đầu chưa có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông phát hiện bà Phạm Thị N cũng đã được UBND huyện BT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 12, tờ bản đồ số 12, xã TT.

Do đó, nay ông khởi kiện đề nghị Tòa án hủy các quyết định hành chính sau:

- Quyết định số 542/QĐ-STNMT ngày 03/7/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04217, thửa đất số 299, tờ bản đồ số 14, xã TT của hộ ông Chế Văn D.

- Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của Chủ tịch UBND huyện BT về việc giải quyết khiếu nại của ông Chế Văn E, thường trú ấp TT, xã TT, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

- Một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01086/QSDĐ/141/1999/QĐ-UBH do UBND huyện BT đã cấp cho bà Phạm Thị N vào ngày 31/3/1998 đối với phần đất có diện tích 346,8m^2, thuộc một phần thửa đất số 12, tờ bản đồ số 12 (thửa đất mới 299, tờ bản đồ số 14), tọa lạc xã TT, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

Theo Văn bản số 499/UBND-NC ngày 22/02/2021 của Ủy ban nhân dân huyện BT, người bị kiện trình bày:

Thửa đất số 299, tờ bản đồ số 14, xã TT có nguồn gốc của ông Chế Văn L (cha của ông Chế Văn E và ông Chế Văn D) cho ông Chế Văn E cất nhà ở từ năm 1984. Phần đất này nằm trong diện tích đất được xã TT cấp cho ông Chế Văn L vào năm 1982. Sau đó, ông Chế Văn L trồng dừa đến năm 1984 ông Chế Văn L cho con là ông Chế Văn E cất nhà ở trên một phần đất này. Thời điểm nhà nước đo đạc đất đai thành lập bản đồ địa chính xã TT, phần đất trên có diện tích 1.940m^2 thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ số 12, xã TT. Tuy nhiên, do Đoàn đo đạc điều tra sai chủ nên ghi tên chủ sử dụng thửa đất này là bà Phạm Thị N

trong Sổ mục kê đất xã TT. Ngày 31 tháng 3 năm 1998, hộ bà Phạm Thị N được Ủy ban nhân dân huyện BT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 12, tờ bản đồ số 12, xã TT.

Năm 1997, ông Chế Văn L chết, ông Chế Văn D (anh ông Chế Văn E) chuyển nhà từ nơi khác đến cất trên phần đất còn lại của ông Chế Văn L. Năm 2002, ông Chế Văn D làm hồ sơ đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 1.940m^2, loại đất T+LN, thửa đất số 12, tờ bản đồ số 12, xã TT. Tuy nhiên, do sơ suất nên thời điểm này cơ quan chuyên môn chưa điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất này của hộ bà Phạm Thị N mà cấp luôn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Chế Văn D. Ngày 28/10/2003, hộ ông Chế Văn D được Ủy ban nhân dân huyện BT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01516/QSDĐ/1030/QĐ-UB, thửa đất số 12, tờ bản đồ số 12, xã TT trong đó có phần đất ông Chế Văn E cất nhà ở từ năm 1984. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Chế Văn D cũng không có ý kiến việc sử dụng đất của ông Chế Văn E, hai bên sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp.

Năm 2014, Nhà nước đo đạc đất đai theo dự án VLAP, phần đất ông Chế Văn E cất nhà ở có diện tích 346,8m^2 thuộc thửa đất số 299, tờ bản đồ số 14, xã TT (theo hồ sơ địa chính cũ thuộc một phần thửa đất số 12, tờ bản đồ số 12, xã TT). Năm 2018, ông Chế Văn E làm thủ tục đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng qua kiểm tra hồ sơ địa chính, Ủy ban nhân dân xã TT thông báo cho ông Chế Văn E biết phần đất này đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Chế Văn D vào năm 2003. Do đó, ông Chế Văn E đã gặp ông Chế Văn D để thỏa thuận tách quyền sử dụng đất, qua trao đổi ông Chế Văn D hứa sau khi ông làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ông Chế Văn E tách quyền sử dụng phần đất cất nhà ở ra (sự việc trên chỉ thỏa thuận miệng không có lập giấy tờ). Ngày 22/3/2019, hộ ông Chế Văn D được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CSO4217, thửa đất số 299, tờ bản đồ số 14, xã TT. Tuy nhiên, sau khi được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Chế Văn D không đồng ý giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để điều chỉnh tách quyền sử dụng cho ông Chế Văn E như đã hứa trước đây.

Do đó, ngày 25/3/2019, ông Chế Văn E có đơn khiếu nại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Chế Văn D tại thửa đất số 299, tờ bản đồ số 14, xã TT. Vụ việc đã được Ủy ban nhân dân xã TT mời hai bên đến làm việc nhưng ông Chế Văn E và ông Chế Văn D không thỏa thuận được do ông Chế Văn D chỉ cho ông Chế Văn E ở chứ không đồng ý tách quyền sử dụng đất. Sau đó, hồ sơ chuyển về Ủy ban nhân dân huyện BT (do Phòng Tài nguyên và Môi trường thụ lý).

Qua làm việc của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện BT, ông Chế Văn E cho rằng phần đất ông cất nhà ở do cha là ông Chế Văn L cho từ năm 1984, trong quá trình quản lý, sử dụng ông đã được Ủy ban nhân dân huyện cấp

giấy xác nhận tạm thời quyền sử dụng đất. Việc ông Chế Văn D đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2003 thì ông Chế Văn E không biết, hiện nay ông Chế Văn D đã được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông Chế Văn E yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xem xét thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp đổi cho hộ ông Chế Văn D vào năm 2019. Tuy nhiên, ông Chế Văn D cho rằng phần đất ông Chế Văn E cất nhà ở nằm trong phần đất xã TT cấp cho hộ ông, trước đây cha ông là ông Chế Văn L có hỏi ông cho ông Chế Văn E cất nhà ở tạm do vậy ông chỉ đồng ý cho ông Chế Văn E sử dụng đất chứ không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo kết quả thẩm tra, xác minh: Phần đất ông Chế Văn E khiếu nại có diện tích 346,8m^2 thuộc thửa đất số 299, tờ bản đồ số 14, xã TT có nguồn gốc của ông Chế Văn L (cha ông Chế Văn E) cho cất nhà ở từ năm 1984 (hiện nay, ông Chế Văn E đã cất nhà ở và có tường rào xung quanh nhà). Ngày 15/10/1997, ông Chế Văn E được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy xác nhận tạm thời quyền sử dụng đất. Trước đây, ông Chế Văn D cất nhà ở nơi khác đến năm 1997 ông mới chuyển đến phần đất này tuy nhiên theo đơn khiếu nại về kết quả đo đạc, xét duyệt đất đai ngày 30/10/2002 và đơn xin xác nhận ngày 29/9/2003, ông Chế Văn D cho rằng năm 1979 ông được tập đoàn cấp phần đất có diện tích 1.940m^2 để sản xuất, sau đó ông lên nền cất nhà ở từ năm 1989 là không đúng thực tế. Ngoài ra, trên diện tích 1.940m^2 thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ số 12, xã TT có căn nhà của ông Chế Văn E cất từ năm 1984 nhưng thời điểm xét duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Chế Văn D, Hội đồng xét duyệt đất đai xã TT không thẩm tra lại hiện trạng mà xác nhận đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Chế Văn D đủ điều kiện. Do đó, ngày 28/10/2003, hộ ông Chế Văn D được Ủy ban nhân dân huyện BT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01516/QSDĐ/1030/QĐ-UB thửa đất số 12, tờ bản đồ số 12, xã TT là không đúng quy định của pháp luật do có một phần thửa đất không đúng đối tượng sử dụng đất. Từ lẽ đó xét thấy, việc ông Chế Văn E khiếu nại yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Chế Văn D là phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngày 26/02/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BT ban hành Quyết định số 304/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Chế Văn E, thường trú ấp TT, xã TT, huyện BT, tỉnh Bến Tre. Nội dung: Chấp thuận giải quyết đơn của ông Chế Văn E khiếu nại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Chế Văn D tại thửa đất số 299, tờ bản đồ số 14, xã TT. Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre xem xét thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04217, thửa đất số 299, tờ bản đồ số 14, xã TT do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 22/3/2019 cho hộ ông Chế Văn D, thường trú ấp TT, xã TT, huyện BT.

Ngày 03/7/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định số 542/QĐ-STNMT thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04217, thửa đất số 299, tờ bản đồ số 14, xã TT của hộ ông Chế Văn D.

Từ những cơ sở trên, Ủy ban nhân dân huyện BT nhận thấy Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BT là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện không chấp nhận việc ông Chế Văn D yêu cầu hủy quyết định này. Đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông Chế Văn D.

Theo Văn bản số 3706/STNMT-VPĐK ngày 27/11/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre, người bị kiện trình bày:

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre thu hồi Giấy chứng nhận của hộ ông Chế Văn D có số phát hành CR 412653, số vào sổ cấp GCN CS04217, ký ngày 22 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định số 542/QĐ-STNMT ngày 03/7/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre trên cơ sở:

- Về quy định: Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai);

- Về giấy tờ hợp pháp: Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của Ủy ban nhân dân huyện BT về việc giải quyết khiếu nại của ông Chế Văn E, thường trú ấp TT, xã TT, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre thu hồi Giấy chứng nhận của hộ ông Chế Văn D có số phát hành CR 412653, số vào sổ cấp GCN CS04217 ký ngày 22 tháng 3 năm 2019 là đúng theo quy định.

Từ những cơ sở trên, việc ông Chế Văn D yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 542/QĐ-STNMT ngày 03/7/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đã cấp cho hộ ông Chế Văn D đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo qui định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chế Văn E trình bày:

Thửa đất số 299 tờ bản đồ số 14 diện tích 346,8m^2 hiện tại là nhà ở của ông xây dựng từ năm 1984 sử dụng ổn định đến nay. Nguồn gốc đất của cha ông là ông Chế Văn L cho năm 1984. Hiện trạng xung quanh đã có hàng rào kiên cố. Ngày 15 tháng 10 năm 1997, ông được UBND huyện BT cấp giấy xác nhận tạm thời quyền sử dụng đất, thời điểm năm 2003 ông Chế Văn D xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông không biết. Năm 2018, ông Chế Văn D làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông có yêu cầu ông Chế Văn D tách quyền sử dụng đất cho ông thì ông Chế Văn D có hứa khi cấp đổi xong thì ông tách quyền sử dụng đất cho ông, vì tình nghĩa anh em nên không có lập giấy tờ, nhưng khi cấp đổi xong thì ông Chế Văn D không đồng ý giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để điều chỉnh tách quyền sử dụng đất cho ông, vì vậy ông có làm đơn khiếu nại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Chế Văn D. Đến ngày 26/02/2020, UBND huyện BT ban hành Quyết định số 304/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Chế Văn E thường trú ấp TT, xã TT, huyện BT. Đến ngày 03/7/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường

tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định số 542/QĐ-STNMT về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sàn gắn liền với đất đã cấp cho hộ ông Chế Văn D là đúng với hiện trạng và nguồn gốc sử dụng đất của ông. Do đó ông không đồng ý với ông Chế Văn D, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Chế Văn D.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Minh T trình bày:

Vào năm 1998, mẹ của bà Nguyễn Thị R là bà Phạm Thị N đã được UBND huyện BT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 12, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.940m^2, xã TT, huyện BT, tỉnh Bến Tre. Ngày 03/5/2013, bà Phạm Thị N đã lập di chúc để lại phần đất trên cho con là bà Nguyễn Thị R. Đến ngày 29/6/2020, bà Phạm Thị N chết. Qua thông tin, bà Nguyễn Thị R được biết năm 2003, ông Chế Văn D đã được UBND huyện BT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên. Ngày 03/7/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định số 542/QĐ-STNMT về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sàn gắn liền với đất đã cấp cho hộ ông Chế Văn D. Do đó, bà Nguyễn Thị R không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Chế Văn D; đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Chế Văn D, giữ y Quyết định số 542/QĐ-STNMT trên.

- Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 75/2022/HC-ST ngày 05/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 30, Điều 32, Điều 79, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 2 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Luật đất đai năm 1987; Luật đất đai năm 1993; Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Căn cứ Luật khiếu nại năm 2011; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Chế Văn D hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01086/QSDĐ/141/1999/QĐ-UBH do UBND huyện BT đã cấp cho bà Phạm Thị N vào ngày 31/3/1998 đối với phần đất có diện tích 346,8m^2, thuộc một phần thửa đất số 12, tờ bản đồ số 12 (thửa đất mới 299, tờ bản đồ số 14), tọa lạc xã TT, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chế Văn D đối với các quyết định hành chính sau:

Quyết định 542/QĐ-STNMT ngày 03/7/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04217, thửa đất số 299, tờ bản đồ số 14, xã TT của hộ ông Chế Văn D. Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của Chủ tịch UBND huyện BT về việc

giải quyết khiếu nại của ông Chế Văn E, thường trú ấp TT, xã TT, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/10/2022, người khởi kiện ông Chế Văn D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện ông Chế Văn D và người đại diện theo ủy quyền là bà Lê Thị P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận nội dung khởi kiện của ông Chế Văn D, hủy Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BT, tỉnh Bến Tre, Quyết định số 542/QĐ-STNMT ngày 03/7/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01086/QSDĐ/141/1999/QĐ-UBH do Ủy ban nhân dân huyện BT đã cấp cho bà Phạm Thị N vào ngày 31/3/1998 với lý do:

+ Thửa đất số 299, diện tích 346,8m2 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông đã được Ủy ban nhân dân huyện BT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2003 và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp đổi lại giấy chứng nhận vào năm 2019 sau khi làm thủ tục tách thửa.

+ Việc Ủy ban nhân dân huyện BT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông vào năm 2003 và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2019 là đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

+ Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2003, ông sử dụng đất ổn định, không ai tranh chấp, ông Chế Văn E ở trên đất lúc đó cũng không có ý kiến gì.

+ Quyết định 542/QĐ-STNMT ngày 03/7/2019 (2020) của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre nêu lý do thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông vì cấp không đúng đối tượng sử dụng đất là hoàn toàn vô lý. Quyết định này của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre được ban hành khi chưa có kết luận của cơ quan Thanh tra cùng cấp là không có căn cứ, không đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

+ Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 chỉ là quyết định giải quyết khiếu nại của ông Chế Văn E chứ không phải là quyết định giải quyết tranh chấp đất đai và đây là quyết định lần đầu chưa có hiệu lực pháp luật.

+ Bà Phạm Thị N cũng được Ủy ban nhân dân huyện BT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 12, tờ bản đồ số 12, xã TT là không đúng.

- Bà Nguyễn Thị R và người đại diện theo ủy quyền là ông Huỳnh Minh T trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Bà Nguyễn Thị R có yêu cầu độc lập, có đóng tiền tạm ứng án phí nhưng không được xem

xét. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm trả hồ sơ về để cấp sơ thẩm giải quyết lại.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Chế Văn D trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015, bác kháng cáo của người khởi kiện đối với nội dung yêu cầu hủy Quyết định số 304 và Quyết định số 542, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với nội dung này.

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015, sửa một phần bản án sơ thẩm, hủy toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01086 do Ủy ban nhân dân huyện BT cấp ngày 31/3/1998 cho bà Phạm Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Chế Văn D trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Người khởi kiện ông Chế Văn D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các quyết định sau: Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của Chủ tịch UBND huyện BT về việc giải quyết khiếu nại của ông Chế Văn E thường trú ấp TT, xã TT, huyện BT; Quyết định số 542/QĐ-STNMT ngày 03/7/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đã cấp cho hộ ông Chế Văn D và hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01086/QSDĐ/141/1999/QĐ-UBH do UBND huyện BT đã cấp cho bà Phạm Thị N vào ngày 31/3/1998 đối với phần diện tích 346,8m^2, thửa đất số 12, tờ bản đồ số 12 (thửa đất mới 299, tờ bản đồ số 14), tọa lạc tại xã TT, huyện BT, tỉnh Bến Tre. Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 3, 30, 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015 và còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Xét tính hợp pháp của các quyết định bị khởi kiện

[3.1] Để xem xét tính hợp pháp và tính có căn cứ của các quyết định hành chính bị khởi kiện, trước tiên cần xem xét về hiện trạng sử dụng đất

Căn cứ Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre thì hiện trạng trên phần đất tranh chấp diện tích 346,8m^2 thuộc thửa số 299, tờ bản đồ số 14 (nằm trong tổng diện tích 1.940m^2 đất thuộc thửa số 12, tờ bản đồ số 12) tọa lạc tại xã TT, huyện BT, tỉnh Bến Tre, có ngôi

nhà ba gian, chữ đinh kiên cố, có hàng rào cố định do gia đình ông Chế Văn E xây dựng và trực tiếp quản lý, sử dụng từ năm 1984.

Người khởi kiện ông Chế Văn D (anh trai của ông Chế Văn E) cho rằng diện tích đất trên có nguồn gốc do tập đoàn giao khoán cho hộ gia đình ông Chế Văn D vào khoảng năm 1982. Năm 1990, vợ chồng ông Chế Văn E (em trai ông) không có đất nên hỏi mượn ông diện tích đất trên để cất nhà ở, lúc này ông Chế Văn L (cha ông) còn sống có nói cho vợ chồng ông Chế Văn E mượn nên ông mới đồng ý cho ở nhờ chứ không đồng ý tách cho quyền sử dụng đất.

Ông Chế Văn E thì cho rằng phần đất trên có nguồn gốc của ông Chế Văn L (cha của ông Chế Văn E và ông Chế Văn D) cho ông Chế Văn E cất nhà ở từ năm 1984. Ngày 15/10/1997, ông Chế Văn E đã được Ủy ban nhân dân huyện BT cấp giấy xác nhận tạm thời quyền sử dụng phần đất này. Cũng trong năm 1997, ông Chế Văn L chết, ông Chế Văn D mới chuyển nhà từ nơi khác đến cất nhà ở trên phần đất còn lại của ông Chế Văn L.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị R là con của bà Phạm Thị N thì cho rằng phần đất diện tích 346,8m^2 trên nằm trong phần đất có tổng diện tích 1.940m^2 của gia đình bà Phạm Thị N cho ông Chế Văn L mượn, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho bà Phạm Thị N vào năm 1998.

Như vậy, thực tế ông Chế Văn D và bà Phạm Thị N đều không trực tiếp, quản lý sử dụng diện tích đất đang tranh chấp mà gia đình ông Chế Văn E mới là người trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất này từ năm 1984 (trước khi bà Phạm Thị N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1998, cũng như trước khi ông Chế Văn D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu năm 2003 và cấp đổi vào năm 2019).

[3.2] Xét trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính bị khởi kiện

Năm 2002, ông Chế Văn D lập hồ sơ xin đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 1.940m^2, loại đất T+LN thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ số 12, xã TT. Ngày 28/10/2003, hộ ông Chế Văn D được Ủy ban nhân dân huyện BT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01516/QSDĐ/1030/QĐ-UB đối với diện tích đất trên. Đến ngày 22/3/2019, hộ ông Chế Văn D được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp đổi tách thành 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CSO4217 đối với diện tích 346,8m^2 đất thuộc thửa số 299, tờ bản đồ số 14 xã TT.

Ngày 25/3/2019, ông Chế Văn E có đơn khiếu nại về việc Ủy ban nhân dân huyện BT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Chế Văn D tại thửa đất số 299, tờ bản đồ số 14, xã TT từ năm 2003 trong khi phần đất này do ông đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 299, tờ bản đồ số 14, xã TT là do Ủy ban nhân dân huyện BT cấp lần đầu nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BT ban hành Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Chế Văn

E là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 29 của Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011.

Về nội dung, xét trên diện tích 346,8m^2 đất thuộc thửa số 299, tờ bản đồ số 14, xã TT có tồn tại căn nhà của ông Chế Văn E được xây dựng từ năm 1984 nhưng tại thời điểm xét duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị N năm 1998 và ông Chế Văn D năm 2003, Hội đồng xét duyệt đất đai xã TT không thẩm tra hiện trạng sử dụng đất mà xác nhận đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận vào đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Chế Văn D, là không chính xác. Dẫn tới, vào ngày 31/3/1998, Ủy ban nhân dân huyện BT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01086/QSDĐ/141/1999/QĐ-UBH cho bà Phạm Thị N và ngày 28/10/2003, ngày 22/3/2019 cấp cho hộ ông Chế Văn D, đều là không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do đó, ngày 26/02/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BT ban hành Quyết định số 304/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Chế Văn E có nội dung chấp nhận đơn khiếu nại của ông Chế Văn E, kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04217 ngày 22/3/2019 đối với thửa đất số 299, tờ bản đồ số 14, xã TT của ông Chế Văn D, là có căn cứ.

Trên cơ sở Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của Chủ tịch UBND huyện BT về việc giải quyết khiếu nại của ông Chế Văn E thường trú ấp TT, xã TT, huyện BT; Tờ trình số 1861/TTr-UBND ngày 08/6/2020 của Ủy ban nhân dân huyện BT về việc đề nghị thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Chế Văn D tại thửa đất số 299, tờ bản đồ số 14, xã TT; Tờ trình số 805/TTr-VPĐK ngày 02/7/2020 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bến Tre về việc đề nghị thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Chế Văn D, ngày 03/7/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định số 542/QĐ-STNMT về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04217 ngày 22/3/2019 đã cấp cho hộ ông Chế Văn D tại thửa đất số 299, tờ bản đồ số 14, xã TT là có căn cứ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ và Điều 105, Điều 106 Luật đất đai năm 2013.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện ông Chế Văn D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông Chế Văn D, nên không có căn cứ để chấp nhận, giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, là có căn cứ. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hủy toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01086/QSDĐ/141/1999/QĐ-UBH do Ủy ban nhân dân huyện BT cấp cho bà Phạm Thị N ngày 31/3/1998 là không phù hợp.

[5] Đối với đề nghị của bà Nguyễn Thị R và người đại diện theo ủy quyền là không có căn cứ, vì theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và Công văn số 1895/CTHADS-VP ngày 19/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh

Bến Tre thì bà Nguyễn Thị R (hoặc ông Chế Anh T nộp thay) không nộp tiền tạm ứng án phí và ông Chế Anh T không cung cấp được chứng cứ, tài liệu để chứng minh. Vì vậy, không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Chế Văn D được miễn án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 47 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Chế Văn D.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 75/2022/HC-ST ngày 05/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre:

Căn cứ vào các Điều 30, Điều 32, Điều 79, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 2 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Luật đất đai năm 1987; Luật đất đai năm 1993; Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Luật khiếu nại năm 2011;

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Chế Văn D hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01086/QSDĐ/141/1999/QĐ-UBH do UBND huyện BT đã cấp cho bà Phạm Thị N vào ngày 31/3/1998 đối với phần đất có diện tích 346,8m, thuộc một phần thửa đất số 12, tờ bản đồ số 12 (thửa đất mới 299, tờ bản đồ số 14), tọa lạc xã TT, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

2.2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Chế Văn D đối với các quyết định hành chính sau:

Quyết định số 542/QĐ-STNMT ngày 03/7/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04217 ngày 22/3/2019, thửa đất số 299, tờ bản đồ số 14, xã TT của hộ ông Chế Văn D. Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của Chủ tịch UBND huyện BT về việc giải quyết khiếu nại của ông Chế Văn E, thường trú ấp TT, xã TT, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Chế Văn D được miễn nộp án phí hành chính phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng, về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án, PQH.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Đức Thọ